

Bản án: 492/2025/HNGĐ-ST

Ngày 23 - 12 - 2025

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và
gia đình - Ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Bửu Khánh

Ông Lê Văn Chi

- Thư ký phiên Tòa: Bà Huỳnh Thị Phượng là thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5
- An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang: Không tham gia phiên
tòa.

Ngày 23 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An
Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 242/2025/TLST-HNGĐ,
ngày 14 tháng 10 năm 2025 vụ tranh chấp hôn nhân và gia đình “*Ly hôn*” theo
quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 363/2025/QĐXXST - HNGĐ, ngày 17
tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1984; địa chỉ: ấp B, xã G,
tỉnh An Giang

2. *Bị đơn:* Chị Phạm Thị T, sinh năm: 1983; địa chỉ: ấp B, xã G, tỉnh An
Giang

(Anh Th, chị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/8/2025 nguyên đơn anh Nguyễn Văn Th trình
bày:* Anh và chị T trước khi lấy nhau có tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức
đám cưới vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Vợ chồng
chung sống được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn; thường xuyên cãi
nhau, luôn bất đồng về quan điểm và cách sống, đã nhiều lần cho nhau cơ hội để
sửa chữa nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 03/2023 cho
đến nay. Anh thấy rằng cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, anh yêu cầu Tòa
án xem xét giải quyết cho anh được ly hôn với chị T; Về con chung: Vợ chồng có
một con chung tên Nguyễn Chí Đ - sinh ngày 22/7/2005, hiện con đã trưởng thành

không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/11/2025, bị đơn chị Phạm Thị T trình bày: Chị và anh Th trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2004. Sau đó, đến Ủy ban nhân xã T, huyện Giồng Riềng đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nay anh Th yêu cầu ly hôn, chị đồng ý; Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Chí Đ - sinh ngày 22/7/2005, hiện con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Anh Nguyễn Văn Th yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình “Ly hôn” giữa anh và chị T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

- Về sự có mặt của đương sự: Anh Th, chị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy việc vắng mặt của anh, chị không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Th, chị T.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Th và chị Phạm Thị T trước khi cưới nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức đám cưới vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang – Nay là xã Giồng Riềng vào ngày 13/8/2016 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do tính tình không còn phù hợp, không tin tưởng nhau trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi nhau, đã nhiều lần cho nhau cơ hội sửa chữa nhưng không có kết quả. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 03/2023 cho đến nay, giữa anh Th, chị T không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai lấy sống. Nay anh Th, chị T thấy rằng mâu thuẫn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Th xin ly hôn thì chị T cũng đồng ý. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử chấp nhận cho anh Nguyễn Văn Th được ly hôn với chị Phạm Thị T.

{2.2} Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Chí Đ - sinh ngày 22/7/2005, con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm anh Th phải nộp là 300.000 đồng; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh Th đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003991 ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Anh Th đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho anh Nguyễn Văn Th được ly hôn với chị Phạm Thị T.

2. Về con chung: Anh - chị có 01 con chung tên Nguyễn Chí Đ - sinh ngày 22/7/2005, con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm anh Th phải nộp là 300.000 đồng; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh Th đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003991 ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Anh Th đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày các đương sự nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND cùng cấp
- Phòng thi hành án;
- Đương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ, Vp

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Chuyên